

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/02/2020

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Dương Thị Thúy Duy**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Ái**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đ T N T**, sinh năm: 1987; Cư trú: số 1552, ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, An Giang.

- Bị đơn: Ông **N V C**, sinh năm: 1987; Cư trú: số 828, ấp Thanh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang.

(Bà T có mặt, ông C có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà **Đ T N T** nộp đơn xin ly hôn với ông **N V C** với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa bà và ông C được hình thành là do tự tìm hiểu yêu thương nhau rồi được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang. Cuộc sống C thời gian đầu hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn đã hơn một năm nay. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống

không hợp nhau, không có tiếng nói C, nên thời gian sau này vợ chồng thương xuyên gây cãi làm mất hạnh phúc gia đình. Hai người sống ly thân nhau hơn 01 năm nay. Cha mẹ hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không được, tự ông bà giải quyết. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông C.

Về con C: Có một con C tên Nguyễn Ngọc Yến Nhi, sinh ngày 17/6/2008, hiện bà T đang nuôi. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con C, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản C: không có; Nợ C: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Tại phiên tòa hôm nay ông C vắng mặt. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân giữa ông và bà T để giải quyết vụ án theo thủ tục C.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo thủ tục C.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Bà T và ông C là vợ chồng có đăng ký kết hôn và có con C, hiện con C đang được bà T nuôi dạy, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và xác định ông C và bà T không còn sống C nhau và không liên lạc nhau từ hơn một năm nay, từ ngày bà T nộp đơn xin ly hôn, ông C biết sự việc nhưng không có ý định hàn gắn, do đó Tòa án giải quyết và thụ lý yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ. đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông C có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ và lấy lời khai ông C, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của ông C không gây trở ngại cho việc xét xử; Căn cứ khoản 05 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về hôn nhân giữa bà T được hình thành trên cơ sở tự tìm hiểu nhau trước, được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới, hôn nhân có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống C thời gian đầu hạnh phúc và chỉ phát sinh mâu thuẫn hơn một năm nay. Nguyên nhân là do bà và ông C sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng

nói C dẫn đến thường xuyên gây cãi nhau nên mất hạnh phúc vợ chồng và hai người ly thân nhau cách nay một năm.

[3] Tại phiên tòa, ông C vắng mặt nhưng tại biên bản ghi nhận lời khai vào ngày 11/02/2020 ông C trình bày: Hôn nhân giữa ông bà T hình thành do tự tìm hiểu, yêu thương nhau trước rồi được gia đình hai bên chấp thuận tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Cuộc sống C tương đối hạnh phúc nhưng về sau có phát sinh mâu thuẫn do lối sống không hợp nhau, không có tiếng nói C. Ông và bà T ly thân nhau cách nay hơn 01 năm. Nay bà T xin ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn. Về con C có một đứa con C, ông đồng ý giao con cho bà T nuôi. Về tài sản C và nợ C ông khai không có.

Tại biên bản xác minh ngày 11/02/2020 ông Bùi Hữu Nghĩa – Phó ấp Thạnh Phú, xã Khánh An cung cấp thông tin như sau: Hiện nay ông N V C vẫn còn hộ khẩu thường trú tại ấp ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang. Về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông C theo ông được biết thì do mâu thuẫn nhau nên hiện giờ không còn C sống với nhau nữa, trước kia sống bên vợ nhưng hiện nay ông C đã về cha mẹ ruột sống tại địa phương.

[4] Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là bất đồng nhau trong cách sống, lẽ ra hai bên tự tìm cách hóa giải để tạo điều kiện cho cuộc sống hạnh phúc. Ngược lại cả hai cùng bỏ mặc nhau, không quan tâm, địa phương biết, gia đình biết cả hai không còn yêu thương nhau.

Trong thời gian ly thân nhau nhưng ông C không quan tâm đến vợ, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông C và bà T đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, C thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, do đó Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[5] Về quan hệ con C: Có một con C tên Nguyễn Ngọc Yến Nhi, sinh ngày 17/6/2008, hiện bà T đang nuôi. Khi ly hôn ông C đồng ý giao con cho bà T nuôi, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ.

[6] Về quan hệ tài sản C, nợ C: Bà T và ông C khai không có.

[7] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ T N T

Về hôn nhân: Bà Đ T N T được ly hôn với ông N V C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 97, ngày 06/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành quyết định này.

Về con C: Giao cháu Nguyễn Ngọc Yến Nhi, sinh ngày 17/6/2008 cho bà Đ T N T nuôi.

Công nhận tự nguyện của bà Đ T N T không yêu cầu ông N V C cấp dưỡng nuôi con C.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con C dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Đ T N T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011640 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà T đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/02/2019) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông N V C được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (2);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã nơi kết hôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (1).
- Lưu hồ sơ (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong Phi